

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13120145	PHÙNG THẾ ANH	DH13KT	<i>Phung</i>	1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13120147	TRẦN THỊ TRÂM	DH13KT	<i>Anh</i>	1		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD12CA	<i>Nu</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13120149	TRỊNH THỊ NGỌC	DH13KM	<i>Anh</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12120181	HUỖNH THỊ BÉ	DH12KT	<i>Hu</i>	1		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13363017	TRẦN THỊ BÉ	CD13CA	<i>Tr</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12363226	PHAN THÚY CẨM	CD12CA	<i>Cam</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12120049	NGUYỄN THỊ KIM	DH12KM	<i>Kim</i>	1		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	CD12CA	<i>Tr</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12363166	NGUYỄN THỊ DUNG	CD12CA	<i>Dung</i>	1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13120168	PHAN NGỌC KIỀU	DH13KT	<i>Ph</i>	1		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13121028	TRẦN THỊ THÙY	DH13PT	<i>Thuy</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13120171	VƯƠNG NGỌC THẢO	DH13KT	<i>Dung</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13363043	VƯƠNG THỊ DŨNG	CD13CA	<i>Ph</i>	1		2	3	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	CD12CA	<i>Dung</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12363335	VŨ THỊ THÙY	CD12CA	<i>Dung</i>	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13121030	CAO THỊ KIM	DH13PT	<i>Ph</i>	1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13363046	NGUYỄN THỊ ĐÀO	CD13CA	<i>[Signature]</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12363006	HUỖNH PHÚC	CD12CA	<i>[Signature]</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13120022	VÕ HUỖNH HƯƠNG	DH13KT	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13120024	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH13KM	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13120025	LÊ ĐÌNH	DH13KT	V	V		V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13120201	TRẦN THỊ HẠNH	DH13KT	<i>[Signature]</i>	1		3	7	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12120252	DƯƠNG THU HẰNG	DH12KM	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	CD12CA	<i>[Signature]</i>	1		3	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13120218	HỒ MỸ	DH13KT	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13120041	NGUYỄN THỊ KIM	DH13KT	<i>[Signature]</i>	1		3	5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13120037	HỒ THỊ HOÀI	DH13KT	<i>[Signature]</i>	1		2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12120551	HỒ NGUYỄN THANH	DH12KM	<i>[Signature]</i>	1		2	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124181	NGUYỄN QUỐC	DH12TB	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12120189	BÙI THỊ HUYỀN	DH12KM	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12363330	NGUYỄN THỊ HUYỀN	CD12CA	<i>[Signature]</i>	1		0	1	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13120225	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH13KM	<i>[Signature]</i>	1		3	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13363120	NGUYỄN THỊ TUYẾT	CD13CA	<i>[Signature]</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi PV400A

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13120237	TỪ THỊ THU HƯƠNG	DH13KT	<i>Hương</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13120051	NGUYỄN HÀ ĐĂNG	DH13KT	<i>Hà</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13120263	ĐẶNG THỊ DIỆU	DH13KT	<i>Diệu</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13120266	LÊ THỊ MỸ	DH13KT	<i>Mỹ</i>	1		2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	CD12CA	<i>Mỹ</i>	1		3	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13120273	NGUYỄN THỊ THÙY	DH13KM	<i>Thùy</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	CD12CA	<i>Thanh</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	DH12KT	<i>Phượng</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12363317	NGUYỄN THỊ LƯỜNG	CD12CA	<i>Lường</i>	1		3	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12363236	TIÊU THỊ THANH	CD12CA	<i>Thanh</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12363015	BÙI THỊ LÝ	CD12CA	<i>V</i>	V	V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12124221	ĐẶNG THỊ THANH	DH12TB	<i>Thanh</i>	1		3	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12363064	HUỖNH THỊ PHƯƠNG	CD12CA	<i>Phương</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11363087	PHAN THỊ THANH	CD11CA	<i>Thanh</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12363192	LÊ THỊ HOÀI	CD12CA	<i>Hoài</i>	1		2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12363237	BÙI THỊ DIỄM	CD12CA	<i>V</i>	V	V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13120286	NGUYỄN THỊ THÚY	DH13KM	<i>Thúy</i>	1		2	5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13120292	TRẦN CAO THU	NGA	DH13KT	1	3	7	10		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12120034	TRẦN THỊ	NGA	DH12KT	1	2	7	9		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	CD12CA	1	2	7	9		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
55	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	DH12KM	1	2	6	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13121104	HỒ THỊ HỒNG	NGHI	DH13PT	1	2	5	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: : 53

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Hạnh

Đỗ Thị Kim Chung

Trần Nguyễn Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15

Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi PV400B

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13120062	NGUYỄN ĐẶNG HỒNG NGỌC	DH13KT		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13363184	NGUYỄN THỊ NHƯ	CD13CA		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13120317	VÕ HOÀNG	DH13KT		1		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12124247	NGUYỄN THÀNH	DH12TB		1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13120330	NGUYỄN MAI HUỲNH	DH13KT		1		2	4	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12120620	TRƯƠNG HỒNG	DH12KT		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	DH12TB		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13121116	TÔ PHƯƠNG	DH13PT		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	11363131	TRẦN THỊ KIM	CD11CA		1		2	4	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13120077	NGUYỄN VĨNH	DH13KM		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12363292	DƯƠNG KIM	CD12CA		1		2	4	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG		1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13363231	TRẦN MỸ	PHƯƠNG		1		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG		1		2	4	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13121131	NGUYỄN THỊ	QUÝ		1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13120351	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN		1		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13120360	TÔN THỊ NHƯ	DH13KT		1		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13120367	ĐINH NGUYỄN MINH TÂM	DH13KT	<i>Minh</i>	1		2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT THÀNH	CD12CA	<i>Hoàng</i>	1		1	2	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	DH11KM	<i>Thảo</i>	1		2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13120387	DƯ THỊ THI	DH13KT	<i>Thi</i>	1		2	4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13363277	ĐÀO THỊ NHƯ THI	CD13CA	<i>Như</i>	1		2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13120097	TRƯƠNG THỊ HẢI THƠ	DH13KT	<i>Hải</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	CD12CA	<i>Ngọc</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12120131	LÊ HỮU THUẬN	DH12KT	<i>Hữu</i>	1		2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12363113	LÊ THỊ MỸ THUẬN	CD12CA	<i>Mỹ</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12120601	NGUYỄN THỊ MỘNG THÙY	DH12KM	<i>Mộng</i>	1		2	4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363217	TRƯƠNG ÁNH THÙY	CD12CA	<i>Ánh</i>	1		2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13120403	ĐOÀN THỊ THANH THÙY	DH13KT	<i>Thanh</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13363298	NGUYỄN THỊ THÙY	CD13CA	<i>Thùy</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12120136	TRẦN THỊ XUÂN THÙY	DH12KM	<i>Xuân</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG THÚY	CD12CA	<i>Hồng</i>	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13121169	LÊ THỊ CẨM TIỀN	DH13PT	<i>Cẩm</i>	1		1	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12363127	NGUYỄN THỊ THÙY TIỀN	CD12CA	<i>Thùy</i>	1		2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13363317	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	CD13CA	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	DH11KT	1		0	1	01	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13363322	TRƯƠNG THỊ MỘNG	TÌNH	CD13CA	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12363333	LÊ THỊ	TRANG	CD12CA	1		2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13120425	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	DH13KT			✓	✓	✓	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13121185	HỒNG THỊ BÍCH	TRINH	DH13PT	1		2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	CD12CA	1		1	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12124342	HỒ HUỲNH CẨM	TÚ	DH12TB	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13120455	HUỲNH THỊ THANH	TÚ	DH13KM	1		2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13363362	PHẠM OANH	TÚ	CD13CA	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12120159	ĐẶNG THANH	TÙNG	DH12KM	1		2	6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	CD12CA	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13120459	THÁI NHẬT	UYÊN	DH13KT	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12120628	NGUYỄN THỊ HẢI	VÂN	DH12KM	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13120463	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN	DH13KM	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12120572	TIẾT THANH	VÂN	DH12KT	1		2	4	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13120467	ĐOÀN THỊ TƯỜNG	VI	DH13KT	1		2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế-208231

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13363371	HỒ LÊ HOÀNG	VIỆT	CD13CA	1		2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12120453	HUỖNH THÁI NHẬT	VŨ	DH12KM	1		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	13363373	CHÂU TẤN	VUI	CD13CA	1		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
55	13363383	VŨ THỊ	XOAN	CD13CA	1		2	4	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: : 54

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần
Lê Thị Huệ Trang

Vào
Tiến Nguyễn Chao